

TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ THUỘC THỊ XÃ LONG KHÁNH

ĐVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
III	THỊ XÃ LONG KHÁNH													
18	Đường Nguyễn Trường Tộ	960	780	540	300	1.600	1.300	900	600	960	780	540	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Lý Thường Kiệt và hiệu chỉnh theo khung giá áp dụng cho đô thị loại 3
19	Đường Hồ Thị Hương					-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đoạn từ đường Khổng Tử đến giáp Nguyễn Thị Minh Khai	2.280	900	720	300	3.800	1.500	1.200	600	2.280	900	720	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Hồng Thập Tự và hiệu chỉnh theo khung giá áp dụng cho đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp cầu Xuân Thanh	1.200	540	420	300	2.000	1.000	800	600	1.200	600	480	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Thích Quảng Đức và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ cầu Xuân Thanh đến giáp ranh huyện Xuân Lộc	900	540	420	300	1.500	1.000	800	600	900	600	480	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Nguyễn Trãi và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
21	Đường Phan Bội Châu	960	690	420	300	1.600	1.150	800	600	960	690	480	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Thích Quảng Đức và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
22	Đường Phan Chu Trinh	960	750	510	300	1.600	1.250	850	600	960	750	510	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Lý Thường Kiệt và hiệu chỉnh theo khung giá áp dụng cho đô thị loại 3
26	Đường Trần Phú					-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương vào 200m	1.680	480	360	300	2.800	1.000	800	600	1.680	600	480	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn tiếp theo đến giáp xã Bàu Trâm	900	480	360	300	1.500	1.000	800	600	900	600	480	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
28	Đường Ngô Quyền (Từ cầu Xuân Thanh đến ngã ba vào nghĩa địa Bảo Sơn)					-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đoạn từ đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến đường Duy tân	720	360	250	240	1.200	900	700	550	720	540	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Duy tân đến đường Phạm Thế Hiển	840	360	250	240	1.400	900	700	550	840	540	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Phạm Thế Hiển đến giáp cầu Xuân Thanh	600	360	250	240	1.000	900	700	550	600	540	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
29	Đường Phạm Thế Hiển	600	480	300	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
30	Đường Nguyễn Chí Thanh	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
31	Đường Hồ Tùng Mậu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến giáp đường Hồ Thị Hương	1.320	1.080	720	300	2.200	1.800	1.200	600	1.320	1.080	720	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan như đường Nguyễn Thị Minh Khai và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	900	450	330	240	1.500	850	700	550	900	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
32	Đường Phan Đăng Lưu	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
33	Đường Hoàng Văn Thụ	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
34	Đường Châu Văn Liêm	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
35	Đường Ngô Gia Tự	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan
36	Đường Hà Huy Giáp	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
37	Đường Lý Tự Trọng	600	450	330	240	1.000	850	700	550	600	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 2, 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
38	Đường 9 tháng 4	900	720	480	240	1.500	1.200	800	550	900	720	480	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
39	Đường Trần Văn Thi	780	510	390	240	1.300	850	700	550	780	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
40	Đường Lê Văn Vãn	780	510	390	240	1.300	850	700	550	780	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
41	Đường Phạm Lạc	780	510	390	240	1.300	850	700	550	780	510	420	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 3, 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
42	Đường Huỳnh Văn Nghệ	1.320	900	720	480	2.700	1.500	1.200	800	1.620	900	720	480	Đề xuất tăng do đường mới nâng cấp, giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%
43	Đường Đào Tri Phú	1.380	960	660	480	2.800	1.600	1.100	800	1.680	960	660	480	Đề xuất tăng do đường mới làm, giá đất thị trường biến động tăng hơn 20%
48	Đường Chu Văn An					-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đoạn từ đường Võ Duy Dương đến giáp đường 21 tháng 4	1.200	900	660	300	2.000	1.500	1.100	600	1.200	900	660	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
50	Đường Phạm Ngọc Thạch					-	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
	Đoạn từ đường 21 tháng 4 đến đường Lương Đình Của	1.200	900	660	300	2.000	1.500	1.100	600	1.200	900	660	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
53	Đường Phạm Ngũ Lão	1.200	900	660	240	2.000	1.500	1.100	550	1.200	900	660	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
56	Đường Phan Huy Chú	900	660	480	240	1.500	1.100	800	550	900	660	480	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
57	Đường Lê Hữu Trác	900	660	480	240	1.500	1.100	800	550	900	660	480	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
58	Đường Lương Thế Vinh	900	660	480	240	1.500	1.100	800	550	900	660	480	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan
59	Đường Đoàn Thị Điểm	900	660	480	240	1.500	1.100	800	550	900	660	480	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
60	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn qua phường Xuân Bình)	1.200	900	660	240	2.000	1.500	1.100	550	1.200	900	660	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
61	Đường Võ Duy Dương	1.200	900	660	240	2.000	1.500	1.100	550	1.200	900	660	330	Giữ nguyên giá để ổn định so với khu vực, Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất ở 2015 -2019 điều chỉnh				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
62	Đường Lương Đình Của	1.200	900	660	240	2.000	1.500	1.100	550	1.200	900	660	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
63	Đường Nguyễn Trung Trực					-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đoạn đầu đến giáp đường Hồ Thị Hương	1.200	900	660	300	2.000	1.500	1.100	600	1.200	900	660	360	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3
	- Đoạn từ đường Hồ Thị Hương đến giáp Cầu Suối Cài	900	720	480	240	1.500	1.200	800	550	900	720	480	330	Hiệu chỉnh giá vị trí 4 để phù hợp với các đoạn đường, tuyến đường liên quan và hiệu chỉnh để phù hợp với khung giá đất áp dụng với đô thị loại 3